



KI?N TRUC C? KHU V?C THANH HA-BAO VINH

著者	Do Thi Thanh Mai
journal or publication title	CULTURE AND HISTORY OF HUE FROM THE SURROUNDING VILLAGES AND OUTSIDE REGIONS
page range	128-164
year	2010-03-26
その他のタイトル	Old architectures in Thanh Ha - Bao Vinh area
URL	http://hdl.handle.net/10112/3430

KIẾN TRÚC CỔ KHU VỰC THANH HÀ-BAO VINH (Old architectures in Thanh Ha - Bao Vinh area)^(*)

I. Bối cảnh lịch sử phố cổ Thanh Hà-Bao Vinh

Theo các tư liệu lịch sử, cảng Thanh Hà hình thành và phát triển tương đương với quá trình hình thành và phát triển của đô thị Huế thời kỳ Kim Long-Phú Xuân (1636-1775). Do nhu cầu trao đổi buôn bán, đặc biệt là nhu cầu cung ứng hàng hóa cho thủ phủ/ kinh đô của chúa Nguyễn, cảng Thanh Hà đã được chúa Nguyễn Phúc Lan thành lập từ năm 1636. Vào những thập niên cuối của thế kỷ XVII, nhiều thương nhân người Hoa đã đến đây cư trú và buôn bán. Họ mua đất tại địa phương và phát triển dần khu vực phố buôn bán của người Hoa (*Giáp Ngọ niên bình Nam đồ* vẽ năm 1774 ghi là *Đại Minh khách phố*), giới hạn từ Thiên Hậu Cung (phía bắc) đến Chùa Ông (tức miếu thờ Quan Công, phía nam)¹.

^(*) KTS. Đỗ Thị Thanh Mai, Phó Giám đốc Phân viện Khoa học và Công nghệ Xây dựng miền Trung (Vice-Director, Central of Vietnam Sub-Institute for Building Science and Technology).

Bài viết có sự cộng tác của KTS. Trần Tuấn Anh (Bộ môn Bảo tồn và Quy hoạch Cảnh quan, Khoa Kiến trúc, Đại học Khoa học Huế. Phần cộng tác: Nhà tứ giác).
¹ Theo Đỗ Bang, phố cảng Thanh Hà ra đời từ một làng quê. Nhưng với vị trí trên bến, dưới thuyền thuận lợi, cư dân có truyền thống buôn bán, ở Thanh Hà vốn đã xuất hiện một chợ làng, nơi hội tụ hàng hóa của cư dân các vùng lân cận. Năm 1685, Hoa thương xây dựng Thiên Hậu Cung (còn gọi là Chùa Bà) ngay trên điểm cư trú buôn bán đầu tiên của mình để làm nơi tế tự chung cho Hoa kiều và cũng là mốc giới phía bắc của phố Thanh Hà. Phố Thanh Hà mở rộng dần về phía nam, thương khách mua đất của làng Địa Linh để lập phố và xây dựng đền thờ Quan Thánh (còn gọi là Chùa Ông) ở vị trí tận cùng phía nam của phố để làm đền thờ chung và cũng là mốc giới giữa phố Thanh Hà và làng Địa Linh. Thanh Hà trong thế kỷ XVII, chỉ hai dãy phố lợp tranh đơn sơ nằm về phía tây con đường làng Minh Thanh hiện nay, hướng chính quay mặt ra bờ sông. Hoa thương dựng lên một dãy nhà đối diện quay lưng ra bờ sông, lấy con đường của làng Thanh Hà làm đường phố chính. Năm 1700, Hoa thương mới được phép xây phố bằng gạch và lợp ngói để tránh hỏa hoạn. Phố bao gồm những cửa hàng, cửa hiệu, các đại lý xuất nhập khẩu và những nhà cho thuê. Phố Thanh Hà xây dựng theo lối một trục giao thông có sẵn làm đường phố chính. Hai dãy phố đối diện dần dần được hình thành, phía sau là đồng ruộng, trước mặt là bến cảng của sông Hương; một điều kiện chủ yếu cho phố cảng ra đời. (Đỗ Bang, *Phố cảng vùng Thuận Quảng thế kỷ XVII-XVIII*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1996).

Từ cuối thế kỷ XVIII trở đi, do sự xuất hiện và lớn dần của cồn Triều Sơn (Cồn Bút), cảng Thanh Hà dần dần bị mất vị thế là một cảng nước sâu, các thương nhân đã chuyển lên khu vực Bao Vinh ở phía thượng nguồn để mua đất, lập phố buôn bán mới.

Phố cổ Bao Vinh là địa điểm thứ 2 của chuỗi cảng thị Thanh Hà - Bao Vinh, là giai đoạn phát triển cuối cùng của chuỗi cảng thị này. Bao Vinh hình thành khi mà cảng thị Thanh Hà đã bị bồi lắng và mất vai trò của một giang cảng nước sâu. Bao Vinh đón lấy cơ hội đó để kế tục vai trò, hội tụ doanh nhân và trở thành khu thương mại lớn của đất kinh kỳ vào thế kỷ XIX. Phố cảng mới này có những yếu tố thuận lợi: cận thị, cận giang, cận lộ lại cận kinh và cận Thanh Hà nên đảm bảo cho sự chuyên dịch và phát triển doanh thương. Hoa thương mua đất mặt tiền của làng và lập phố với hai dãy phố đối diện qua trục đường chính của khu phố mới. Trước mặt là sông Hương và bến cảng, sau là khu dân cư của làng và đồng ruộng. Hoa thương mua đất của các dòng họ và tư nhân để lập phố còn thực hiện tín ngưỡng thì đến Thanh Hà nơi có Chùa Bà, Chùa Ông, còn sinh hoạt các bang hội thì về Chợ Dinh thực hiện. Song song với việc giao thương buôn bán ngày càng phát triển là sự mọc lên của các ngôi nhà liền kề nhau. Người dân nơi đây dựng nhà để ở đồng thời phục vụ cho việc buôn bán như làm kho chứa hàng, nơi bán hàng, nơi phục vụ ăn uống, nghỉ ngơi giải trí... cho khách lữ hành. Nhà có nhiều loại: nhà phố, nhà vườn, nhà một tầng, nhà hai tầng, ki ốt, chợ... Trải qua các tác động của lịch sử, thiên nhiên và con người nên sau một thời gian tồn tại hầu hết các ngôi nhà tại phố cổ Bao Vinh bị hủy hoại khá nhiều: *“Tất cả các nhà đẹp mắt và nhà kho lớn tư hữu của những người Tàu và An Nam “cỡ bự” đều biến mất từ năm 1885, tức là thời kỳ Bao Vinh đã bị tàn phá”* (R. Morineau, *Bao Vinh-Thương cảng của Huế*). Vì vậy vào giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, người dân Bao Vinh lại tiếp tục phục dựng nhà cửa để ở và để buôn bán. Nhìn chung, việc phục dựng nhà cửa lúc này vẫn theo lối kiến trúc trước đây: nhà rường và nhà lầu.

Đầu thế kỷ XIX, khi triều Nguyễn xây dựng Kinh thành Huế, lập khu buôn bán ở phía đông, nhiều thương nhân đã chuyển đến

khu vực này lập nghiệp. Hầu hết người Hoa đã chuyển lên dựng nhà, lập hội quán dọc bờ nam sông Hương (khu vực dọc đường Chi Lăng hiện nay).

Các công trình kiến trúc truyền thống mà chúng tôi điều tra đều nằm trong khu vực từ Thanh Hà đến Bao Vinh (trong phạm vi làng Minh Hương, làng Địa Linh và làng Bao Vinh, thuộc xã Hương Vinh, huyện Hương Trà ngày nay). Toàn bộ khu vực này có chiều dài khoảng 3km, nằm dọc bờ phía bắc của sông Hương, trong đó Thanh Hà chiếm gần 2km, Bao Vinh khoảng 300m.

Như vậy, tại khu vực Thanh Hà-Bao Vinh đã từng tồn tại cả kiến trúc truyền thống của người Việt và người Hoa với nhiều loại hình: đình, đền, miếu, chùa, nhà phố, nhà ở... Tuy nhiên, do sự di cư liên tục của người Hoa nên những công trình kiến trúc còn lại tại khu vực này vẫn chủ yếu là của người Việt, mang phong cách bản địa xứ Huế rất rõ ràng.

II. Các hình thức kiến trúc cổ tại cảng thị Thanh Hà và phố cổ Bao Vinh

Trong khuôn khổ hạn chế của quy mô khảo sát, chúng tôi tạm thời phân nhóm các hình thức kiến trúc dựa vào các yếu tố công năng của công trình, bao gồm:

1. Kiến trúc phục vụ tôn giáo tín ngưỡng

1.1. Đình: Tại khu vực Thanh Hà-Bao Vinh có ba ngôi đình bao gồm đình Thanh Hà, đình Bao Vinh và đình Địa Linh. Mỗi đình đều nằm trong một khuôn viên có tường thành bao quanh, cổng vào là bốn trụ biểu, trước đình có bình phong. Trong mỗi khuôn viên của mỗi đình ngoài điện chính có dạng như nhà rường kép ba gian hai chái, nhà kép ba gian không chái, nhà đơn ba gian không chái... còn có một số các công trình phụ như các miếu thờ có các hình thức kiến trúc nhà rường một gian hai chái (miếu khai canh đình Bao Vinh), nhà đơn ba gian không chái (miếu trong khuôn viên đình Địa Linh). Đình làng tại Thanh Hà-Bao Vinh không có quy mô lớn nhưng có bộ giàn trò (toàn bộ các cấu kiện gỗ liên kết ngang và dọc với nhau, kê cả các gian lẫn chái tạo thành hệ khung của ngôi nhà) rất đặc trưng

của nhà rường truyền thống Huế và bộ giàn trò này rất quan trọng về mặt kích thước và tỷ lệ giữa các cấu kiện (đình Bao Vinh). Các đình tại Thanh Hà- Bao Vinh lợp ngói liệt, bờ nóc bờ quyết trang trí tứ linh, hồi long châu mặt nhật... Cửa ra vào đều là cửa thượng song hạ bản, nền điện láng xi măng.

+ **Đình Bao Vinh:** Đình làng Bao Vinh tọa lạc ở đầu bắc cầu Bao Vinh (số 1 đường Bao Vinh), hướng về phía đông. Đình được xây dựng năm nào không rõ nhưng được đại trùng tu vào năm 1905, các đợt tu bổ sau vào cuối thế kỷ XX, và lần mới đây nhất vào năm 2008. Đình Bao Vinh còn khá nguyên vẹn về mặt cấu trúc và trang trí.

Khuôn viên đình Bao Vinh rộng khoảng 4.000m², trung tâm khuôn viên là đình làng, miếu Khai Canh và miếu Cao Vương nằm bên phải của đình (trong nhìn ra). La thành bao quanh, cổng vào là bốn trụ biểu có trang trí họa tiết. Các kiến trúc chính gồm đình, bình phong, cổng trụ biểu được đặt nằm thẳng hàng trên trục trung tâm. Đình Bao Vinh được xây dựng với hình thức nhà rường kép, trùng thiềm điệp ốc.

Tiền điện có chiều dài 10,25m, rộng 3,44m, ba gian để trống có tường hai chái. Hệ kết cấu mái bằng gỗ được đặt trên tường bao xây bằng gạch và trở công cuốn vòm, không có cửa đóng. Điểm đặc sắc về kiến trúc của tiền điện là hai bộ vại tại gian giữa, các cấu kiện kết hợp linh hoạt hai hình thức kết cấu vại mái gỗ truyền thống nhà rường Huế đó là: trụ trốn và chông rường- giả thủ. Bộ vại được cấu tạo bởi trên gác trên hệ tường bao gác trụ trốn cao 1,2m đỡ đòn dông của mái, hai bên trụ trốn gác hai hệ chông rường (xà ngang) liên kết với các giả thủ đỡ các đòn tay. Các cấu kiện giả thủ được chạm khắc cách điệu rất sinh động các hình lục bình, cá chép, hồi văn... Hai bộ vại hai đầu hồi tiền điện lại mang hình thức kèo giao nguyên- trụ đội của nhà rường truyền thống Huế.

Chính điện dài 10,25m, rộng 8,49m. Kết cấu không gian ba gian hai chái. Hệ kết cấu mái và hệ kết cấu khung bằng gỗ (bộ giàn trò). Hệ tường bao xây gạch, riêng mặt nam của đình là hệ thống cửa thượng song hạ bản. Kiểu vại nóc thượng trên hạ xuyên. Bộ vại có

hình thức giao nguyên- trụ đội: vại gồm hai kèo (giao nguyên) liên kết với nhau tạo thành đỉnh nóc, chỗ nối này được đỡ bằng trụ đội (trụ tròn) và giằng liên kết hai kèo bằng cấu kiện gỗ (áp quả) nằm ngay ở đầu trụ tròn, trụ tròn dựng trên một con tôm và toàn bộ liên kết này được đỡ bằng thanh trên nối hai cột cái của vại. Các liên ba chạm nổi, chạm lõng, gắn song tiện. Hệ thống kèo hàng nhì, kèo hàng ba (kèo cù) và một số đòn tay vuông được chạm trở họa tiết hoa văn rất tinh xảo nhất là tại các buồng kèo, đầu cù.... Đặc biệt các kèo hàng ba chạm hình con cù thân hơi uốn cong, độ lượn mềm mại của các cấu kiện tạo nên sự duyên dáng tinh tế của công trình. Hệ thống cột được đặt trên các chân tảng, trải qua các đợt trùng tu các chân tảng bằng đá thanh đã được thay thế bằng bê tông tô đắp xi măng hình trái bông đặt trên nền điện láng xi măng. Một số cột gỗ bị mối mọt được gia cường nối chân bằng cột bê tông. Khoảng cách giữa cột hàng nhì hậu và cột hàng nhì ba có vách ngăn bằng ván gỗ là nơi thờ cúng. Tiền điện và chính điện liên kết với nhau bằng hệ thống máng xối xây gạch lát đồng lá, trải qua các đợt tu bổ đã được thay thế bằng tôn.²

Tiền điện và chính điện lợp ngói liệt. Bờ nóc, bờ quyết được trang trí con giống tứ linh: hồi long châu mặt nhật, lân, quy, phụng, các họa tiết mặt mây. Bờ quyết được chia thành các ô học đắp nổi họa tiết, các ô học trang trí trên hệ cửa thượng song hạ bản được vẽ màu. Các đề tài thể hiện ở bờ quyết và ô học trang trí chủ yếu dựa trên các mô típ trang trí truyền thống Huế: *Cổ đồ chiết chi*, *Sao đê cổ đồ*, *Ngư tiêu canh mục*, *Phúc lộc thọ*, *Bát Tiên*; các loại trái cây:

² Tại chính điện, do giới hạn về kích thước tổng thể (chiều dài 10,25m, rộng 8,49m, chia không gian thành gian ba gian hai chái với hệ cột chính là 6x4=24 cột và 2 cột đỡ kèo ở góc quyết tiền điện), nên khoảng cách giữa lòng gian và bước gian bị phân nhỏ và giới hạn. Ở gian chung (gian chính giữa của hệ khung có nhiều gian) khoảng cách lòng gian là 1,79m, bước gian là 2,52m. Tại gian tả và gian hữu (nằm hai bên trái phải của gian trung) khoảng cách lòng gian là 1,60m; bước gian là 2,07m. Do vậy dẫn đến tỷ lệ, kích thước các cấu kiện hệ khung và hệ mái đều nhỏ, cấu tạo và trang trí thanh thoát nhưng vẫn đảm bảo các yếu tố kỹ thuật và bền vững của công trình (tuy nhiên, trải qua thời gian dài đã xuất hiện các hiện tượng rã mộng tại các điểm liên kết trọng yếu như đầu cột ở góc quyết, liên kết giữ tiền điện và chính điện...). Đây cũng là một đặc điểm chung của kết cấu kiến trúc nhà rường truyền thống Huế.

đào, phật thủ, lựu, mận (điều)...; các loại hoa tượng trưng tứ thời: *Mai, lan, cúc, trúc*; hay *Liễu, mai, tùng, mẫu đơn*...vv. Tam cấp bước vào điện có bốn con cù cuốn bậc. Mặt đứng tiền điện xây ba cổng vòm không có cánh cửa được trang trí cuốn thư, dơi, hồi văn. Bốn trụ tròn đắp nổi trên tường trang trí rồng cuốn. Hai bên cổng có hai cửa sổ tròn đắp lõng hình chữ thọ xung quanh là các hồi văn hình chữ vạn. Dưới hai cửa sổ là hai bức phù điêu đắp hình lân cưỡi mây châu hai bên. Màu sắc trang trí cơ bản sử dụng màu trắng màu ngũ sắc truyền thống Huế (theo họa sĩ Nguyễn Đăng Trí). Nhưng trong đợt tu bổ gần đây do không được trùng tu mang tính tổng thể, màu sắc sử dụng tu bổ mặt tiền đình Bao Vinh chưa đạt tới độ chín và độ tinh tế chung của công trình, màu sắc sặc sỡ đang làm trẻ hóa mặt tiền ngôi đình vốn có nhiều giá trị về mặt kiến trúc.

Miếu Khai Canh trong khuôn viên đình Bao Vinh, có chiều dài 8m, rộng 4,9m. Hình thức kiến trúc là một nhà rường đơn một gian hai chái, tường gạch xây bao xung quanh, mái lợp ngói liệt, mặt đứng hướng nam có cửa thượng song hạ bản và hai cửa sổ hình bát giác đắp lõng hình chữ thọ. Bộ vòm mái có hình thức thượng trên hạ xuyên nhưng không có trụ đội, thay vào đó là các ván vách đầu hồi do kết cấu kiểu một gian. Mái lợp ngói liệt, bờ béc trang trí giao cuốn mây châu mặt nhật. Hai đầu đốc trang trí các cuốn thư và mũ mây. Trải qua các lần tu bổ trước nền miếu đã được lát xi măng, các cột gỗ được kê trên các chân cột bê tông cao 0,25m; mái hạ mặt đứng được lợp bằng ngói tây.



Hình 1. Đình Bao Vinh



Hình 2. Bộ vòm nóc tiền điện đình Bao Vinh

Miếu Cao Vương nằm bên cạnh miếu Khai Canh có chiều dài 3,10m, chiều rộng 2,46m. Kết cấu miếu được xây bằng gạch, có hai tầng mái lợp ngói liệt được phân cách bằng cổ diềm trang trí ô học. Bờ nóc trang trí giao cuốn mây châu mặt nhật.

+ **Đình Địa Linh:** Có hình thức nhà kếp ba gian không có chái. Trải qua các đợt trùng tu từ giữa thế kỷ XX trở về sau, hệ kết cấu khung gỗ đã được thay thế bằng hệ tường bao, hệ khung cột và dầm bê tông cốt thép chịu lực. Bộ dàn mái và trụ trốn bằng gỗ được đỡ bằng giằng bê tông cốt thép thay thế cho trên. Đòn tay gác trên vại kèo và được chôn vào hai tường thu hồi. Ba gian tiền điện để trống không có cửa đóng. Các vại giao nguyên-trụ đội tại tiền điện và chính điện có lẽ là yếu tố nguyên gốc của công trình khi xưa có niên đại trên dưới 100 năm.



Hình 3. Đình Địa Linh



Hình 4: Bộ vại mái tiền điện đình Địa Linh



Hình 5. Đình Thanh Hà



Hình 6: Bộ vại mái chính điện đình Thanh Hà

+ **Đình Thanh Hà:** Có hình thức nhà đơn, ba căn không chái. Nhà không có hệ khung gỗ, thay vào đó là tường xây gạch và cột bê tông cốt thép chịu lực. Tại gian giữa, hai bộ vòm mái có hình thức giao nguyên-trụ đội vẫn còn lưu giữ nguyên vẹn liên kết các cấu kiện gỗ như: cột, kèo, trên, trụ đội... nhưng không được chạm khắc. Chi tiết cột trong bộ vì được cắt ngắn và được đặt trên một thanh xà ngang bằng gỗ chạy suốt dọc chiều dài gian điện thờ. Mỗi thanh xà ngang có kích thước chiều dài 4,74m; chiều cao 0,23m; chiều rộng 0,17m. Hai xà ngang được đỡ bởi hệ cột bê tông cốt thép nằm trong tường và hai bức tường lưng đỡ xà nằm hai bên phần gian thờ. Phần hiên đình (tiền điện) có hàng lan can con tiện hai bên bậc tam cấp bước vào.

1.2. Đền, chùa: Hầu như nơi nào ở Việt Nam có người Hoa sinh sống thì ở đó có đền miếu thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu và Quan Công. Nửa đầu thế kỷ XVII, người Hoa đến Thuận Hóa làm ăn, buôn bán tại làng Thanh Hà- Địa Linh, lập thành xã Minh Hương, hình thành nên phố cảng Thanh Hà. Năm 1685, cộng đồng người Hoa dựng đền Thiên Hậu Cung để thờ Thiên Hậu làm nữ thần bản mạng. Trên bước đường nguy nan, nhiều sóng gió khi sang vùng đất mới để mưu sinh, người Hoa tin tưởng sự hiển linh của bà sẽ giúp họ vượt qua được mọi trở ngại và được an cư lạc nghiệp. Chùa Bà là tên gọi dân gian của Thiên Hậu Cung. Miếu thờ Quan Công, là một nhân vật lịch sử thời Tam Quốc được đồng bào người Hoa và cả người Việt hết sức tôn sùng; ông cũng đã được các triều đại phong kiến Trung Quốc và Việt Nam phong thần. Người Hoa, nhất là người Minh Hương thờ ông là thể hiện sự tôn sùng đức tính trung thành, thể hiện sự ngưỡng mộ đối với bậc Thánh và nhắc nhở nhau về đạo làm người, về cách xử thế trong cộng đồng, đặc biệt đề cao chữ tín trong buôn bán. Trong dân gian, cả người Việt và người Hoa ở Việt Nam đều quen gọi là Chùa Ông. Tuy có sự giao thoa, chịu ảnh hưởng trong văn hóa tín ngưỡng tâm linh của người Hoa, nhưng ý tưởng về quy hoạch trong khuôn viên chùa, hình thức kiến trúc và bố cục các công trình phụ trợ đều đã được Việt hóa và mang tính địa phương.

Trải qua các biến cố của lịch sử và chiến tranh nhất là biến động lớn của sự kiện năm 1968, Chùa Ông và Chùa Bà đã bị hư hỏng hầu như toàn bộ và đã được phục hồi, xây dựng lại một phần vào cuối thế kỷ 20 và đầu thế kỷ 21, lần tu bổ gần đây nhất vào năm 2006. Các công trình được áp dụng kỹ thuật xây mới và vật liệu hiện đại nhưng bố cục không gian thờ cúng và trang trí nội ngoại thất mang đậm nét kiến trúc và văn hóa truyền thống Huế. Các điện chính đều là nhà ba căn không chái, các trang trí mái và ngoại thất đều được đắp khảm sành sứ theo phong cách thời Khai Định.

+ **Thiên Hậu Cung (Chùa Bà)**: Khuôn viên rộng khoảng 3.200m², hướng đông nam, trông ra đường Bao Vinh, sông Hương và cồn Triều Sơn. Công Tam quan rộng 12m, cao 7m, trụ đúc ốp sành sứ. Đường dẫn vào cung đi lên ba bậc tam cấp dựng bốn trụ biểu trang trí rồng cuốn cột. Hai bên đường dẫn vào là các công trình phụ trợ xây mới và các khuôn viên trồng cây cảnh. Trước mặt cung là một đỉnh đúc bằng gang có mái, chạm khắc rất tinh xảo được người Hoa mang sang từ thế kỷ thứ 17 dùng để thắp hương và hóa vàng mã.

Điện chính là công trình có hình thức kiến trúc ba gian không chái. Xây tường gạch, hệ khung cột và dầm bê tông cốt thép. Tường hai bên xây thu hồi, dầm mái bao gồm đòn tay vuông, rui, mè bằng gỗ nhóm 2. Trần bằng gỗ ván ghép. Không gian của điện được chia làm hai phần: Tiền điện có chiều dài 13,6m, chiều rộng 4,8m. Chính điện chiều dài 13,6m, chiều rộng 6,4m. Nội thất chính điện chia 3 án thờ, án giữa tôn trí tượng Thiên Hậu.

Tiền điện có cấu trúc như một hiên nhà (sảnh) để trống, nền lát gạch hoa màu ghi sáng kích thước 30x30cm, mái bằng đổ bản bê tông cốt thép được đỡ bằng bốn trụ tròn đắp trang trí khảm sành sứ họa tiết rồng cuốn cột. Phần trước mái bằng có phần mái dốc đúc bê tông cốt thép dán ngói liệt, trên trang trí bờ nóc. Hai bên tiền đường có hai phòng xây lồi ra có chức năng là phòng để chiêng, phòng để trống. Mỗi phòng có kích thước chiều dài 2,3m, chiều rộng 2,3m. Phòng chiêng, phòng trống mái lợp ngói liệt hình tứ giác, dạng chõng diềm (hai tầng mái phân cách bằng hệ thống cổ

diềm được trang trí ô hộc đắp nổi hoa văn hoặc các điển tích, điển cố), bộ giàn mái bằng gỗ.

Chính điện mái lợp ngói liệt. Trên cùng một bản mái dốc mặt đứng hướng nam có hai bờ nóc. Một bờ nóc chạy dọc theo chiều dài của đỉnh mái và một bờ nóc chạy dọc theo liên kết giữa tiền và chính điện, chia mái trước chính điện làm hai phần. Cấu tạo hai bờ nóc trên cùng một bản mái dốc tạo cảm giác khi nhìn vào mặt đứng chính vẫn thấy hình thức “trùng thiềm điệp ốc” (nhiều mái) trong kiến trúc truyền thống Huế. Đây là một đặc điểm chung cho các công trình xây dựng mới sau này giả các thức kiến trúc cổ. Cửa ra vào mặt tiền gồm ba bộ cửa, mỗi bộ cửa bốn lá bằng gỗ có ván huỳnh, lắp kính chiếu sáng và song sắt có hoa văn chữ thọ hình tròn.

Trên bờ nóc, bờ quyết mái tiền đường và chính điện đều được trang trí các họa tiết hồi long châu mặt nhật, long châu cuốn thư, cá chép hóa rồng châu, giao cuốn mây, đầu cù... Đỉnh mái phòng chiêng, phòng trống gắn hồ lô. Các ô hộc trang trí trên cổ diềm theo các mô típ trang trí truyền thống Huế. Toàn bộ các trang trí này đều được khảm sành sứ nhiều màu sắc, mang đậm nét phong cách trang trí thời Khải Định.



Hình 7. Thiên Hậu Cung (Chùa Bà)

+ **Đền Quan Thánh (Chùa Ông)**: Khuôn viên Chùa Ông rộng khoảng 6.500m², hướng đông nam, trông ra đường Bao Vinh và sông Hương. Trước chùa nay vẫn còn lưu giữ bốn trụ biểu ngay dưới bên sát bờ sông. Cổng tam quan có trụ đúc ồ sành sứ, tường

thành và hàng rào bao quanh, biển đề chữ Hán “Quan Thánh Điện”. Các công trình điện thờ chính, điện thờ phụ, cổng tam quan và trụ biểu dưới bến thuyền đều nằm thẳng trên trục đường. Đường đi vào lảng xi măng. Điện chính thờ Quan Công, phía sau điện chính có một ngôi điện 2 tầng thờ Bồ Tát và linh.

Điện chính có hình thức kiến trúc ba gian không chái có chiều dài 9,2m, chiều rộng 7,7m, xây gạch, mái lợp ngói liệt. Phía sau gian chính xây coi nới một gian phụ lồi ra có kích thước chiều rộng 2,8m, chiều sâu 2,6m dùng làm nơi đặt bệ thờ. Tại gian giữa, hai vại kèo giao nguyên- trụ đội được đỡ bởi hai thanh dầm bằng gỗ kéo dài suốt dọc gian nhà và được gác lên hai bức tường lửng nằm hai bên phần gian thờ. Nền điện lát gạch hoa màu vàng kích thước 30x30cm. Cửa ra vào điện gồm ba bộ cửa bốn lá bằng gỗ có ván huỳnh, lắp kính lấy sáng. Tiền đường (hiên nhà) có chiều dài 9,2m, chiều rộng 1,9m. Tiền đường để trống có tam cấp trang trí bốn con lân cuốn bạc. Bốn trụ đỡ mái trang trí rồng cuốn. Mái trước điện chính cũng có cấu tạo 2 bờ nóc và hình thức trang trí tương tự như Thiên Hậu Cung (Chùa Bà) được đắp khảm sành sứ.

Điện phụ phía sau dạng nhà lầu cao hai tầng xây gạch, sàn tầng 1 đổ bê tông cốt thép. Hai hệ thống cầu thang xây gạch hai bên đi lên tầng 2. Tầng 2 kết cấu ba căn không chái. Hệ giàn mái và hệ khung với 4 cột bằng gỗ. Vòi kèo mái có hình thức giao nguyên- trụ đội. Hai bên là lầu để chuông và lầu để trống. Hiên (tiền điện) lợp mái fibro xi măng được đỡ bằng bốn trụ vuông đúc



Hình 8. Đền Quan Thánh (Chùa Ông)



Hình 9: Bộ vại chính điện Chùa Ông

bê tông cốt thép. Bờ nóc, bờ quyết trang trí hồi văn đắp bằng xi măng không trang trí màu sắc. Ba bộ cửa ra vào mỗi bộ hai lá bằng gỗ ván huỳnh lấp kính. Hai cửa sổ tại lầu chiêng lầu trống đắp lộng hình chữ thọ.

1.3 Miếu: Loại hình am, miếu ở Thanh Hà-Bao Vinh là các kiến trúc nhỏ dành cho thần thánh bảo vệ làng, xóm. Loại hình miếu thờ tại Bao Vinh-Thanh Hà khá phong phú nhưng quy mô nhỏ, thường nằm chung trong các đình làng và kiến trúc cộng đồng. Loại hình miếu thường có dạng kiểu nhà rường ba gian không chái (miếu trong khuôn viên đình làng Địa Linh, miếu khai canh đình Bao Vinh), một gian không có chái (miếu Cao Vương đình Bao Vinh, miếu Trần Tiễn Thành), mái lợp ngói liệt, tường xây gạch chịu lực. Trang trí đắp nổi trên mái, tường bằng sành sứ.

+ **Miếu Trần Tiễn Thành:** Ngài Trần Tiễn Thành có tổ tiên là người Phúc Kiến sang Việt Nam lập nghiệp tại làng Minh Hương vào thế kỷ 17. Năm 1838, ông thi đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân, làm quan tới chức Văn Minh điện Đại học sĩ, Phụ chính đại thần nhà Nguyễn. Trần Tiễn Thành nằm trong số quan lại chủ trương hòa hoãn với quân Pháp, khi Pháp xâm lược Việt Nam. Năm 1885, ông bị phe chủ chiến trong triều đình bức tử. Miếu thờ ông nằm ngay cạnh khuôn viên Chùa Bà trông ra đường Bao Vinh và sông Hương.



Hình 10. Miếu Trần Tiễn Thành

Hình 11. Linh Quang Miếu



Hình 12. Miếu Cao Vương,
đình Bao Vinh

Hình 13. Miếu khai canh,
đình Bao Vinh

Khuôn viên miếu tương đối nhỏ, rộng khoảng 186m², có hai vòng tường thành bao quanh. Cổng là hai trụ biểu xây gạch trang trí họa tiết. Miếu có dạng một gian không chái chiều dài 4,8m; chiều rộng 3,4m. Án thờ đặt trên bệ thờ chính giữa gian. Hai bên hồi xây tường thu hồi đỡ bộ giàn mái bằng gỗ. Mái lợp ngói liệt, hệ mái chồng diềm. Trang trí bờ nóc, bờ quyết là các họa tiết: giao châu mặt nhật, mũm mây. Toàn bộ trang trí đều được đắp khảm sành sứ. Bộ cửa thượng song hạ bản bốn lá sơn son. Trước cửa có bình phong xây gạch.

1.4. Nhà thờ họ

Kiến trúc nhà thờ họ tại khu vực này thường là nhà rường kép ba gian hai chái. Bộ giàn trò bằng gỗ theo kiểu thượng trên hạ xuyên, giữa là các liên ba chạm hoặc cấn. Ở xuyên hàng nhất thường có treo hoành phi, dọc các cột là các câu đối. Các cấu kiện thường không được chạm trổ nhiều như ở nhà ở nhưng mái ngói được trang trí cầu kỳ ở các bờ mái các con giống hình tứ linh, dơi, chữ thọ...

Các nhà thờ họ hiện nay đều được tu bổ mới trong những năm gần đây, kết cấu khung trong hệ giàn trò đã được thay thế bằng hệ tường bao chịu lực, cột và giằng bê tông cốt thép. Các di tích nhà thờ họ ở Thanh Hà - Bao Vinh được các họ tộc chú ý đầu tư tu bổ và nâng cấp về quy mô nên tình trạng bảo tồn khá nguyên vẹn.



Hình 14. Từ đường họ Lâm



Hình 15: Cổng vào từ đường họ Nguyễn

2. Kiến trúc nhà dân

Khu phố cổ Bao Vinh được xây dựng bên sông là vùng đô thị cổ nhất của Huế. Thị trấn Bao Vinh có một con phố duy nhất dài chừng 300m. Các nhà gỗ hình ống nằm một bên mặt phố đối diện qua bên kia đường là nhà tứ giác phía bờ sông. Từ ngoài sông nhìn vào, Bao Vinh có dáng dấp gần giống như Hội An (đường Bạch Đằng nhìn ra sông Hoài- Hội An), với những ngôi nhà mặt phố nhỏ nhắn nằm sát nhau, có lưng quay ra sông. Các ngôi nhà cổ tại khu phố Bao Vinh là những những lưu ảnh còn lại của một đô thị cổ từng có thời kỳ phát triển huy hoàng của vùng đất Thanh Hà - Bao Vinh.

Năm 1991, khu phố Bao Vinh còn 39 ngôi nhà cổ thì hiện nay chỉ còn khoảng 15 ngôi nhà cổ có niên đại xấp xỉ 100 năm tuổi. Những ngôi nhà được đưa vào danh sách bảo tồn đầu tiên là các ngôi nhà của các ông bà: Đỗ Kỳ Huy (số 97), Lê Quang Chất (số 105), Phạm Gia Đắc (số 77), Nguyễn Thị Thê (số 99), Nguyễn Thị Kim Thủy (số 53), Nguyễn Thị Tâm (số 101), Huỳnh Trạch Ốc (số 107), Âu Đức Tài (số 111)...

2.1. Nhà ở mặt phố

Nhà cổ Bao Vinh cơ bản về kết cấu gỗ mang phong cách nhà rường Huế, nhưng đã được biến thể thành nhiều dạng mặt đứng cũng như quy mô, chiều cao và bố cục không gian để phù hợp với chức năng của nhà vừa để ở, sinh hoạt, buôn bán, chứa hàng hóa và

phòng tránh lũ lụt. Nội thất trang trí đơn giản không cầu kỳ. Nhà mặt phố không có phần sân phía trước, không chú trọng đến cảnh quan xung quanh. Là một nhà rường thuần túy, không mang tính nhà vườn truyền thống Huế. Khi bước vào nhà có cảm giác không khí gần gũi, ít bị ảnh hưởng bởi văn hóa tâm linh, không xa rời với cuộc sống hiện tại.

Nhà gỗ hình ống mặt tiền có bề ngang hẹp. Do hạn chế về bề ngang nên các nhà ở khu phố cổ có tính chất buôn bán này xây và tận dụng theo chiều sâu của nhà. Hai bên tường xây thu hồi bít đến tận bờ nóc phân cách với hai nhà hai bên. Đặc điểm chung tổng thể không gian kiến trúc nhà ở mặt phố-khu phố cổ Bao Vinh là theo trình tự nhà - sân - nhà - sân. Đặc điểm chung này đã được R. Morineau mô tả: *“Các nhà chính đều chia làm hai nửa, dọc theo chiều có một đường đi ngang rộng ở giữa, phần nhà ở mặt đường được dùng làm cửa hàng, phần sau và các mảng nhà được dùng để ở và làm kho”*. (Tạp chí *BAVH*, Bao Vinh - Thương cảng của Huế).

Nghĩa là một đơn vị nhà ống ở mặt phố bao gồm hai công trình: nhà trước và nhà sau. Nhà trước có mặt tiền hướng ra phố dùng làm cửa hàng giao dịch buôn bán. Nhà trước có các dạng: nhà đơn trệt ba gian không chái (97 Bao Vinh...), nhà kép trệt ba gian không chái (105 Bao Vinh...), nhà lầu năm gian không chái (77 Bao Vinh)... Nội thất nhà trước chia làm ba gian, trong đó gian giữa (gian chính) được sử dụng làm lối đi và để thông với nhà ở phía sau (đây là một đặc điểm bố cục không gian khác với nhà rường truyền thống Huế, trong đó gian giữa dùng để thờ cúng). Hai gian còn lại (hai bên tả hữu) chia làm hai phần cách biệt, phía trước dùng làm nơi buôn bán, trao đổi hàng hóa, phía sau dùng làm kho khép kín, kết cấu theo kiểu buồng ngủ để cất giữ hàng hóa. Nhà sau cũng có 3 gian không chái, dùng làm kho chứa hàng hóa và cũng làm nơi ở và sinh hoạt. Nhà trước và nhà sau có khoảng cách dùng làm sân (sân trước). Không gian ở sân trước, sân sau (phía sau của nhà sau) là nơi đón ánh sáng và gió trời và được chia một phần làm nhà bếp, nhà vệ sinh. Cao độ sân thấp hơn nền nhà được đánh dốc để thoát nước.

Về hình thức trang trí, nhà mặt phố khác với các công trình kiến trúc nghệ thuật mang phong cách nhà rường Huế. Bờ nóc, bờ quyết, tường... các nhà mặt phố ở Bao Vinh không được đắp nổi, gắn đắp các họa tiết trang trí cầu kỳ mà chỉ xây gạch và tô đắp bằng vữa. Mái lợp ngói liệt. Nhìn tổng thể, kết cấu mái này tạo cảm giác bản mái có độ dốc lớn.

Nhà ở mặt phố có thể phân làm 3 loại với 3 hình thức mặt đứng trông ra phố: Nhà một tầng, nhà gác, nhà lầu. Ngoài ra nhà mặt phố còn có loại hình nhà tứ giác nhưng do hình thức kết cấu, bố cục kiến trúc khác so với những loại trên nên chúng tôi phân ra làm một hạng mục riêng.



Hình 16. Từ phải qua trái: Nhà rường trệt (một tầng); Nhà gác; Nhà lầu (2 tầng)



Hình 17. Nhà rường trệt.

2.1.a. Nhà một tầng (nhà trệt): bao gồm hai loại nhà rường đơn ba gian không chái và nhà rường kép ba gian không chái.

*** Nhà rường đơn, vuông ba gian không chái**

Nhà rường vuông ba gian không chái là hình thức khá phổ biến trong phố cổ Bao Vinh. Hệ khung gỗ bao gồm hai vại kèo tạo thành gian giữa, các đuôi kèo hàng nhì chôn vào tường. Trong dạng nhà này tường vừa chịu lực vừa bao che. Ở các gian bên xuyên xà được chôn vào tường, đòn tay gác lên tường thu hồi. Hai bên tường xây bít đến bờ nóc, phân cách với hai nhà bên cạnh. Ở các cột hàng nhất xuyên được làm cao, trên xuyên có ván liên ba che kín phía trước và phía sau của rầm thượng. Vại kèo nhà có hai dạng: (1) Vại kèo thượng xuyên hạ trên, là dạng vại không có trụ đội, trên nằm

khá thấp, trên trên là rầm thượng (tra) làm bằng gỗ ghép ván để cất giữ hàng hóa và đồ đạc của gia đình. Rầm thượng cũng là nơi để gia đình tránh lũ lụt khi nước dâng cao. (2) Vài kèo giao nguyên- trụ đội (kết cấu và hình thức như đã nói ở phần **Đình**). Mặt tiền trông ra phố có bậc tam cấp đi vào, cửa tại gian giữa cửa dạng thượng song hạ bản, hoặc cửa ván gỗ. Hai bên là hai gian bán hàng cửa ghép từng tấm ván có thể tháo ra hoặc lắp vào.



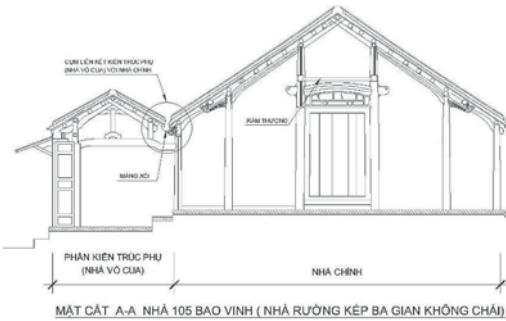
Hình 18. Vài kèo giao nguyên-trụ đội



Hình 19. Vài kèo thượng xuyên hạ trên, trên trên là rầm thượng (tra)

* Nhà rường kép ba gian không chái

Là hình thức nhà có một nhà chính, trước nhà có ghép thêm một kiến trúc phụ. Nghĩa là phía trước nhà chính, trùng với bước cột của 3 gian có làm thêm một nhà nhỏ, vài kèo kiểu giao nguyên trụ đội thường được chế tác đơn giản với hệ cấu kiện không chạm trổ, được gọi là vỏ cua, có mái nối với nhà chính bằng một máng xối. Liên kết giữa hai phần nhà là hệ xà nối hàng cột nhất hậu kiến trúc phụ phía trước với hệ cột hàng ba tiền nhà chính. Hệ xà này đỡ máng xối thu nước mưa của hai hệ mái nhà chính và kiến trúc phụ.



Hình 20. Nhà rường kép ba gian không chái (Nhà 105 Bao Vinh)

Một số nhà ở Bao Vinh, phần kiến trúc phụ không có hàng cột nhất hậu, hệ trên nối dài liên kết vào cột hàng nhất tiền nhà chính thay cho hệ xà đỡ máng xối (nhà 105, Bao Vinh). Nhà chính có cấu tạo như nhà rường đơn ba gian không chái.

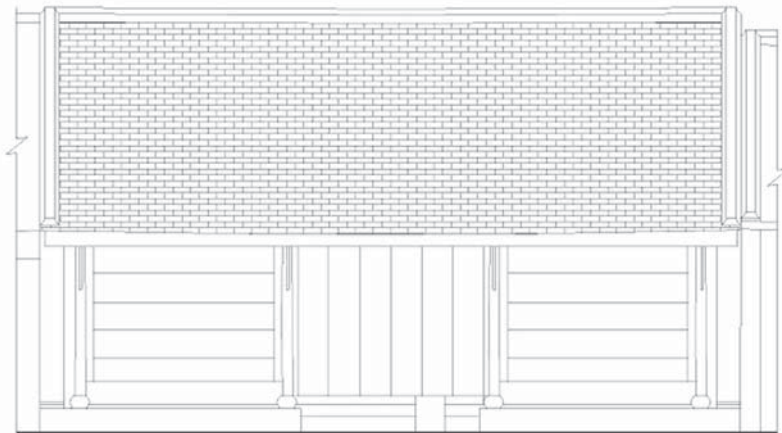
Dưới đây là những kiến trúc điển hình:

+ **Nhà 99 Bao Vinh:** Căn cứ vào lịch sử và hồi ức của các nhân chứng, nhà 99 Bao Vinh được xây dựng vào khoảng những năm cuối thế kỷ 19, cách ngày nay hơn 100 năm. Khi xưa chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị Thể, nhưng hiện nay nhà trước do gia đình bà Nguyễn Thị Thể sở hữu, nhà sau là do bà Hoàng Thị Tường Vy sử dụng và quản lý.

Tổng thể nhà 99 Bao Vinh được xây theo cấu trúc trình tự: nhà - sân - nhà - sân. Nhà trước có dạng nhà rường vuông 1 trệt ba gian không chái, kích thước chiều rộng 7,9m, chiều sâu 7,9m. Bộ giàn trờ bằng gỗ mít gồm 24 cột. Hệ thống cột được kê trên các chân tảng chạm khắc họa tiết. Hai vại kèo gian giữa nhà trước có dạng thượng xuyên hạ trên. Có rầm thượng để đựng đồ đạc. Nội thất nhà trước chia làm ba gian, gian giữa sử dụng làm lối đi vào sân trong dẫn vào nhà sau. Hai gian hai bên chia làm hai phần cách biệt phía trước dùng làm nơi buôn bán, phía sau dùng làm kho khép kín để cất giữ hàng hóa. Mặt đứng của nhà chính hướng ra phố gồm có ba cửa, cấu tạo cửa lắp ghép từng tấm ván. Các cấu kiện gỗ được trang trí tinh xảo công phu, trên các cấu kiện kèo, xuyên, trên... được chạm khắc hoa văn, các đường chỉ nổi theo đường kỷ hà, hoa lá cách điệu hình rồng cuốn, trên các liên ba tường vách ô hộc để trống.

Đi qua sân trong có chiều sâu 6m là nhà sau. Nhà sau cũng có dạng nhà rường vuông 1 trệt ba gian không chái, kích thước chiều ngang 7,2m, chiều sâu 6,6m. Tường xây gạch bốn mặt chịu lực. Mặt trông ra sân có 3 cửa ra vào. Bộ giàn trờ bằng gỗ mít gồm 6 cột: 4 cột cái và 2 cột quân. Hai vại kèo gian giữa nhà sau có dạng giao nguyên- trụ đội. Ở các gian bên xuyên, xà, đầu kèo... được chôn hoặc gác vào tường, đòn tay gác lên tường thu hồi. Sân sau không lợp mái, chia một phần không gian làm khu vệ sinh và bếp. Mái hai lớp nhà lợp ngói liệt, bờ nóc bờ quyết không trang trí.

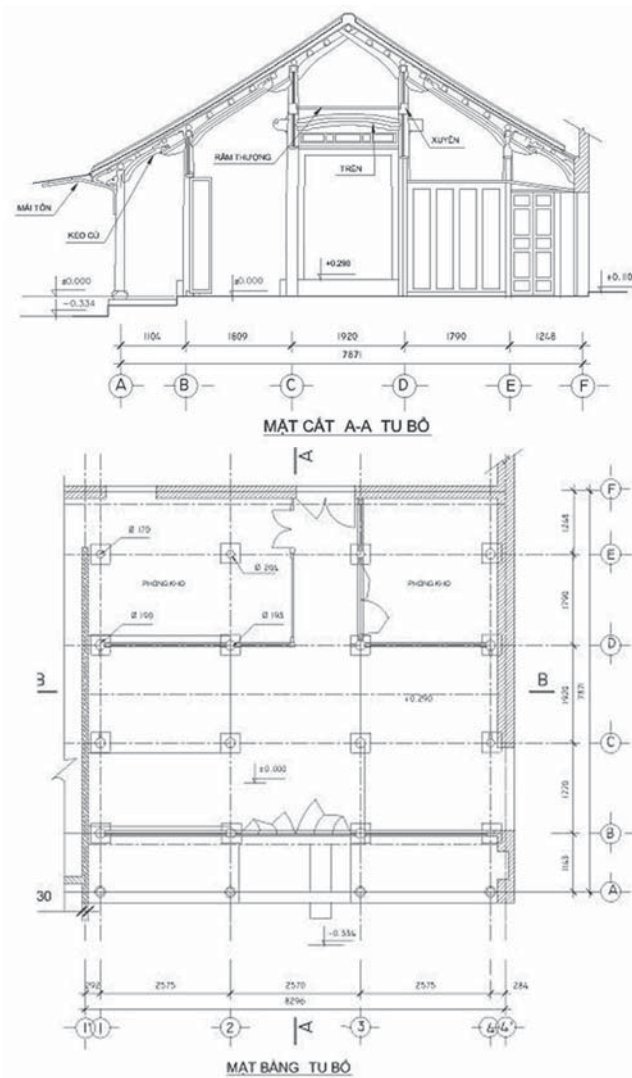
+ **Nhà 97 Bao Vinh:** Được xây dựng năm 1864. Chủ sở hữu là ông Đỗ Kỳ Huy (con trai cố họa sỹ Đỗ Kỳ Hoàng). Ban đầu khi mới xây dựng nhà chính là một nhà rường lầu 4 gian hình chữ nhật. Phía dưới dùng làm nơi buôn bán, phía trên dùng làm nơi thờ tự và sinh hoạt trong gia đình. Cùng với nhà rường lầu phía trước, phía sau dựng thêm một nhà rường trệt 3 gian làm kho chứa hàng. Nối liền hai nhà trước sau là một đoạn trường lang đi qua khoảng sân để trống. Năm 1917, gia chủ quyết định tháo dỡ toàn bộ phần kiến trúc của ngôi nhà rường lầu phía trước đem bán, ngôi nhà rường trệt 3



MẶT CHÍNH



Hình 21: Mặt đứng nhà 97 Bao Vinh



Hình 22. Mặt cắt, mặt bằng nhà chính nhà 97 Bao Vinh

gian làm kho chứa hàng ở phía sau được đem đặt ở vị trí ngôi nhà chính phía trước. Từ đó đến nay ngôi nhà vẫn tồn tại, không có gì thay đổi hoặc biến động lớn. Tổng thể mặt bằng các công trình bố cục theo kiểu hình chữ Công (I). Nhà trước hiện nay có kích thước

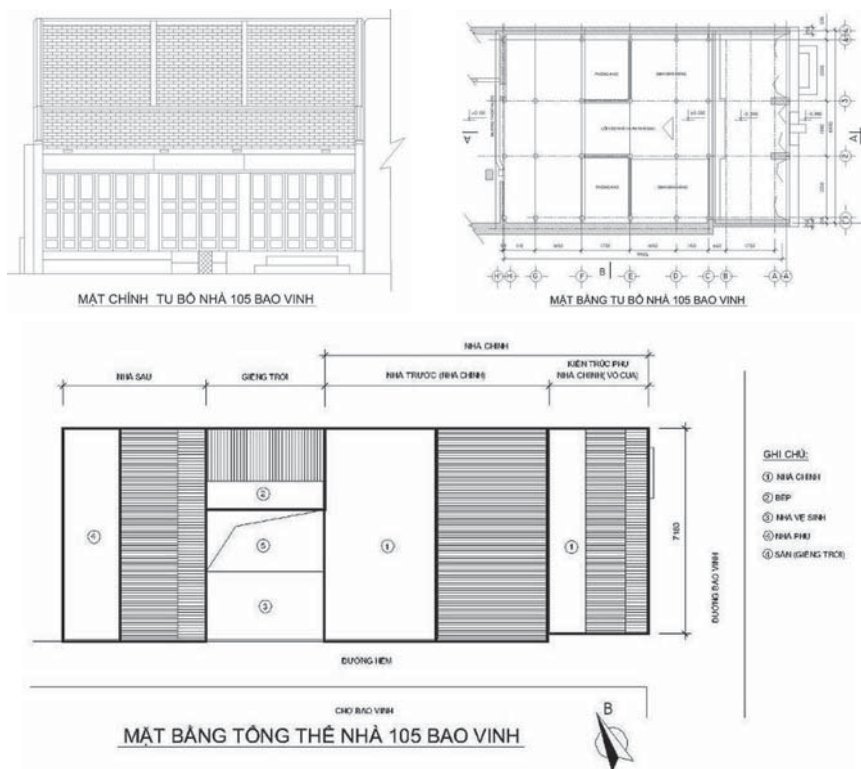
chiều rộng 8,4m; chiều sâu 8m. Bên cạnh có xây coi nới thêm một nhà để xe lợp ngói tây có chiều rộng 3,2m; chiều sâu 10m. Mặt đứng chính của nhà trước quay ra phố về hướng đông nam, có 3 cửa kiểu thượng song hạ bản. Gian giữa được dùng làm lối đi thông với nhà sau sau khi đã đi vào 3 bậc tam cấp. Hai gian bên chia làm hai phần, phía trước làm nơi buôn bán, phía sau để hàng hóa. Kết cấu bộ giàn trờ bằng gỗ mít gồm 20 cột chính, 8 cột cái, 8 cột quân và 4 cột hiên liên kết với nhau theo các kiểu liên kết ngang dọc bằng các hệ thống cấu kiện kèo giao nguyên, kèo chuyền, đòn tay, xuyên, xà, hoành tử...

+ Nhà 105 Bao Vinh

Được xây dựng đầu thế kỷ 19. Chủ sở hữu là ông Lê Quang Chất. Tổng thể ngôi nhà này theo cấu trúc trình tự nhà-sân-nhà. Nhà chính phía trước có dạng nhà rường kép (trệt) ba gian không chái. Nhà sau có dạng nhà lầu 2 tầng (một trệt và một tầng lầu). Liên kết giữa hai nhà là khoảng sân được chia nhỏ thành các công trình phụ.

Nhà chính có mặt tiền kiến trúc phụ (phần vò cua) phía trước hướng ra đường Bao Vinh. Nhà chính bộ giàn trờ bằng gỗ gồm 24 cột, có kích thước chiều rộng 6,9m, chiều sâu 7,3m. Phần vò cua chiều rộng 6,9m, chiều sâu 2,6 m, có ba cột hàng nhất tiền, không có cột hàng nhất hậu. Các cấu kiện trên nhà vò cua kéo dài liên kết với cột hàng ba nhà chính. Liên kết này đỡ máng xối thu nước mưa của hai hệ mái. Vài kèo nhà vò cua có dạng giao nguyên- trụ đội. Vài kèo nhà chính có dạng kèo chuyền, có rầm thượng. Hệ mái sau có cao độ cao hơn hệ mái trước. Hệ thống cửa mặt tiền hướng ra phố là cửa lắp ghép từng tấm để phục vụ buôn bán.

Nhà sau cao hai tầng, hệ giàn trờ tầng hai có vài kèo dạng giao nguyên trụ đội. Ván sàn, đà sàn bằng gỗ được đỡ bằng hệ cột và giằng bê tông cốt thép và tường chịu lực của tầng 1. Trang trí mặt đứng nhà sau ảnh hưởng lối kiến trúc thuộc địa Pháp với các trụ đắp giả tròn xẻ rãnh, đầu trụ gắn hoa văn, mái hiên được đỡ bằng hệ con sơn bằng thép uốn trang trí hồi văn. Hệ thống cửa ra vào và cửa sổ đều là cửa ván huỳnh có chớp.



Hình 23: Mặt đứng, mặt bằng nhà chính (nhà trước), mặt bằng tổng thể nhà 105 Bao Vinh

2.1.b. Nhà lầu - một trệt và một tầng lầu (2 tầng)

Nhà có một tầng trệt và một tầng lầu, nhà lầu cũng có kết cấu như một nhà rường ba gian không chái, cột tầng trên chính là cột tầng dưới nối dài, sàn bằng gỗ ván lát trên dầm gỗ. Tường xây gạch chịu lực, giàn mái và cửa bằng gỗ, mái lợp ngói. Các cột này liên kết ngang dọc với nhau bằng các xà, trên xà có gác dầm để lát ván sàn. Nhà có lô gia (bao lon), tầng trên ở gian giữa mở một cửa hai cánh để đi ra bao lon, hai bên là hai cửa sổ. Tầng dưới mở cửa ra đường, cửa đi ở gian giữa, hai bên làm cửa hàng có cấu tạo kiểu cửa lắp ghép từng tấm ván. Hai bên tường xây thu hồi. Có hai lớp nhà: nhà trước và nhà sau nối với nhau bằng nhà cầu (kiến trúc *lang* - dạng

hành lang). Ở trên tầng cũng có hành lang nối gác nhà trước với gác nhà sau, có lan can chung quanh phần không gian trống. Phần không gian này được gọi là **giếng trời (thiên tĩnh)** để lấy ánh sáng và không khí cho nhà.

Một số nhà được xây dựng từ thời Pháp thuộc cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20. Các trang trí chịu ảnh hưởng của phương Tây như các trụ đỡ nổi xê rãnh, đầu trụ trang trí thức kiến trúc Dori, Joni... (nhà sau 105 Bao Vinh). Bộ giàn mái tầng 2 bằng gỗ có hình thức bộ vì nóc giao nguyên- trụ đội. Nhà có bang công trang trí con tiện sứ, tầng trên ở gian giữa mở một cửa hai cánh để đi ra bang công hai bên là hai cửa sổ. Hệ thống cửa có nhà là cửa ván huỳnh lấp kính lấy sáng, có nhà sử dụng cửa ván gỗ... Tầng dưới mở cửa ra đường, cửa đi ở gian giữa, hai bên cửa lắp ghép từng tấm ván. Một số nhà lầu 2 tầng vẫn trang trí mặt tiền có hình thức truyền thống Huế: lưỡng long châu cuốn thư...



Hình 24. Hình thức trang trí đầu trụ nhà 105 Bao Vinh



Hình 25. Nhà lầu 2 tầng trang trí kiểu truyền thống

+ **Nhà 77 Bao Vinh**: Nguyên chủ nhân của ngôi nhà này là cụ Phan Gia Trị, một “Bá hộ” dưới thời Khải Định. Nhà được xây dựng khoảng năm 1914. Hiện nay thuộc quyền sở hữu của hai gia đình: Gia đình anh Phạm Gia Đắc (con trai của cụ Trị với bà vợ cả Phan Gia Đàm); gia đình bà Phan Thị Liên (bà vợ thứ cụ Trị). Nhà 77 có diện tích hơn 300m², nằm cạnh trục đường chính, đoạn men theo

bến cảng và gần kề khu chợ Bao Vinh. Với địa thế thuận lợi và quy mô ngôi nhà đã chứng tỏ vị thế của gia chủ khi xưa là một thương nhân khá giả và biết làm ăn.

Nguyên gốc tổng thể kiến trúc ngôi nhà này hình chữ Nhị (二), cấu trúc trình tự nhà - sân - nhà - sân: Gồm hai nếp nhà chạy song song. Phía trước là ngôi nhà rường- lầu 5 gian không chái, phía sau là ngôi nhà rường trệt ba gian hai chái. Nối liền hai ngôi nhà này là một hành lang có mái lợp (nhà cầu hay nhà kiều). Phía sau mỗi ngôi nhà có khoảng đất rộng dùng để làm sân, vườn, chứa hàng. Các ngôi nhà được lợp ngói liệt. Bộ giàn trò của nhà trước bằng gỗ kiên kiên và gỗ, nhà sau gỗ lim và gỗ. Theo quan niệm truyền thống và phong thủy của người Việt cũng như của người Hoa trong việc xây dựng nhà cửa thì những công trình phía trước bao giờ cũng thấp hơn những công trình phía sau, như vậy "của cải mới dễ vào đây nhà" và tầm nhìn từ nhà chính phía sau mới không bị che khuất. Trong khi đó tổng thể kiến trúc của ngôi nhà này lại rất khác biệt: Nhà rường lầu phía trước cao hơn nhà trệt phía sau.

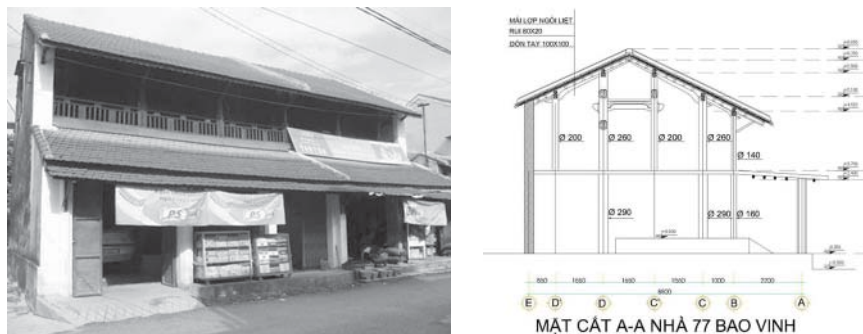
Năm 1980, ngôi nhà rường phía sau bị hư hại trầm trọng, mục nát buộc chủ nhà phải tháo dỡ toàn bộ ngôi nhà này. Năm 1985, do ảnh hưởng của cơn bão số 8, một lần nữa gia chủ phải tháo dỡ phần nhà cầu (hành lang) và làm lại phần hiên phía trước (mái lợp tôn, tường xây gạch). Để đảm bảo chỗ ăn ở sinh hoạt, buôn bán... gia chủ đã xây thêm một ngôi nhà phía sau bằng bê tông cốt thép. Như vậy, tính nguyên gốc của công trình còn lại hiện nay là ngôi nhà trước.

Nhà trước có cấu trúc 5 gian không chái. Chiều rộng 13m; chiều sâu 8,8m. Theo luật lệ thời Nguyễn, nhà rường của quan lại và của dân chỉ được phép làm ba gian hai chái. Kiểu kiến trúc 5 gian này không bị phạm luật do chủ đã coi nói hai gian chái hai đầu thành hai gian nữa. Bộ khung kết cấu chịu lực liên kết hai phần: phần tầng trệt và phần tầng lầu. Tầng trệt có hệ thống tường gạch và trụ gạch chịu lực bao quanh ba phía: hai đầu hồi và phía sau. Hệ thống trụ gỗ nằm tại gian chính và hai gian tả hữu bao gồm 9 cột (3 cột hàng nhất

tiền, 3 cột hàng nhì tiền, 3 cột hàng nhất hậu). Cột hàng nhì phía trước đặt các bộ khung cửa ngăn cách trong nhà và hiên. Cột hàng nhì hậu gắn liền với bức tường hậu. Hệ thống trụ gạch và trụ gỗ liên kết với nhau bằng các xà ngang có kích thước 18cmx22cm và các đà dọc phân bố giữa các cột để đỡ ván sàn (nền) tầng lầu. Mặt tiền có các hệ thống cửa ván ghép từng tấm (truyền thống), sau này được thay thế cửa kéo song sắt ở gian giữa và gian tả.

Phần tầng lầu có cấu trúc hoàn chỉnh của một ngôi nhà rường 5 gian không chái với 5 hàng cột gỗ. Hệ thống kết cấu khung và hệ giàn mái ở tầng lầu được đỡ bằng hệ cột gỗ, cột gạch liên kết các xà ngang và vòm tường chịu lực của tầng trệt (tầng 1). Tại vị trí cột hàng nhất hậu tầng trệt được nối dài trùng với vị trí cột hàng nhất hậu tầng lầu, cột hàng nhất tiền tại tầng trệt nối dài trùng với vị trí cột hàng nhì tiền tầng lầu, Cột hàng hai tầng trệt tương đương với cột hàng hai tầng lầu. Tầng lầu có bộ vòm dạng vòm kèo chông (kẻ chuyền)-thượng xuyên hạ trên, có rầm thượng. Hệ thống cửa bằng khoa mỗi gian 5 lá dẫn ra bao lơn mặt tiền. Bao lơn mặt tiền có lan can song gỗ. Nội thất trang trí đơn giản không cầu kỳ, một số vị trí đầu kèo, trên chạm trổ hoa văn họa tiết. Mái lợp ngói liệt. Bờ nóc, bờ mái không trang trí.

Nhà 77 Bao Vinh là một công trình tổng hợp các loại hình kiến trúc: hình dáng là một loại nhà rường lầu hai tầng. Có nhiều khả năng đó là sự kết hợp của loại nhà sàn miền Bắc và nhà rường truyền thống ở Trung Bộ. Khi nhìn vào tầng 1 dưới sàn chỉ thấy những hàng cột và sàn nhà, nhưng tầng hai là kết cấu bộ giàn trò gỗ là một ngôi nhà rường truyền thống của miền Trung. Đó là một minh chứng thể hiện sự giao thoa văn hóa của người Việt, người Hoa và người Mường, là kết quả sự sáng tạo độc đáo của người dân Bao Vinh trong việc tiếp thu có chọn lọc các loại hình kiến trúc để tạo cho mình một ngôi nhà ở mới phù hợp với việc buôn bán, phòng tránh lũ lụt, ăn ở sinh hoạt theo truyền thống người Việt.



Hình 26. Nhà đứng, mặt cắt nhà 77 Bao Vinh

2.1.c. Nhà gác- nhà có một trệt và một gác

Nhà gác cũng có kết cấu như một nhà rường ba gian không chái, cột tầng trên chính là cột tầng dưới nối dài. Các cột này liên kết ngang dọc với nhau bằng các xà, trên xà có gác dầm để lát ván sàn. Tầng trên thấp chỉ mở cửa sổ trông ra đường giống như gác xép. Tầng dưới mở cửa ra đường, cửa đi ở gian giữa, hai bên làm cửa hàng có cấu tạo kiểu cửa lắp ghép từng tấm ván. Hai bên tường xây thu hồi. Nhà có thể có lô gia (bao lon), tầng trên ở gian giữa mở một cửa hai cánh để đi ra bao lon, hai bên là hai cửa sổ.



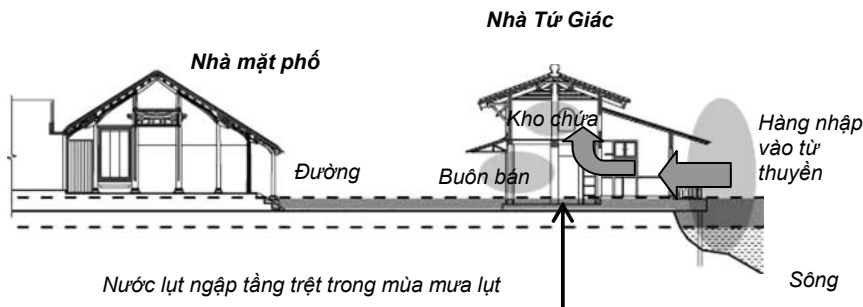
Hình 27. Nhà gác

2.2. Nhà tứ giác: Vào đầu thế kỷ 20, việc xây dựng các nhà tứ giác này trên bờ sông Hương ở đoạn Bao Vinh được đề xuất bởi

người Pháp nhằm duy trì và phát triển thương mại cho thương cảng Bao Vinh trước đây (là trung tâm thương mại sầm uất bậc nhất của Huế cuối thế kỷ 19 và nửa đầu thế kỷ 20). Tất cả các nhà này được xây dựng trên một dải đất hẹp giữa sông và đường, tiếp giáp mặt trước với đường và mặt sau với sông, thể hiện một kiểu kiến trúc Việt-Pháp độc đáo gần 100 năm tuổi.

Về mặt lịch sử, trước khi các kiốt này được xây dựng vào cuối thế kỷ 19, một loạt các lều tranh rồi sau đó những căn nhà bằng đá một tầng được xây dựng trên dải đất này nhằm chứa hàng hoá tập kết từ ngoài vào nội thị Huế theo hướng sông trước khi được phân phối vào các chợ bên trong Huế. Tuy nhiên, hỏa hoạn đã thiêu rụi các lều tranh mấy lần và lũ lụt dâng cao hàng năm đã làm cho 2 loại nhà này không thể chứa hàng hóa một cách an toàn và lâu dài. Để khắc phục nhược điểm đó, một cấu trúc nguyên bản mới của nhà tứ giác gồm hai tầng được chống đỡ bằng các tường gạch đặc đã được dựng nên đầu thế kỷ 20 theo đề xuất của người Pháp, với hai chức năng rõ rệt phân bố cho 2 tầng: tầng 2 để chứa hàng hóa, và tầng 1 để mua bán giao dịch (hình 28). Tại thời điểm đó, nhà hai tầng (nhà có gác) chưa được xây dựng nhiều ở các địa phương Huế do luật phong kiến (luật Gia Long) thời đó cấm nhà ở người dân xây dựng trên hai nền cấp.

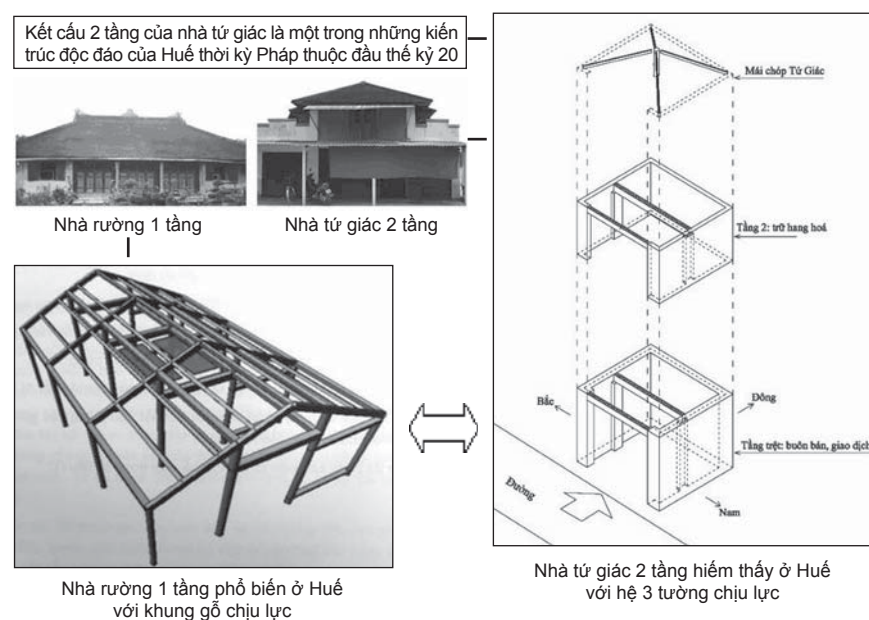
Người Pháp đã áp dụng một cấu trúc hai tầng mới với tường gạch chịu lực hoàn toàn khác hẳn với kết cấu khung truyền thống



Hình 28. Công dụng của nhà tứ giác là trữ hàng hóa ở tầng 2 khi nước lụt dâng cao ngập tầng trệt

của kiến trúc Huế với hệ cột-dầm-kèo gỗ chịu lực được nhìn thấy trong các kiến trúc cung đình Huế hay trong nhà Rường Huế (hình 29). Tuy nhiên, gạch vồ - loại gạch phổ biến nhất trong kiến trúc truyền thống Huế - được sử dụng để xây dựng nên cấu trúc tường chịu lực này. Điều này thể hiện sự giao thoa một cách hài hòa giữa kiến trúc chịu ảnh hưởng Pháp (ở kết cấu chịu lực) với kiến trúc truyền thống Huế (ở vật liệu) trong cấu trúc tường chịu lực của các ngôi nhà tứ giác này.

Khởi nguyên, kết cấu tường chịu lực của các ngôi nhà này gồm 3 mảng tường chính ở 3 phía: phía sau và hai phía bên. Mảng tường thứ 4 ở phía trước, đối diện với đường, không tồn tại bởi vì yêu cầu cần mở rộng không gian buôn bán giao dịch bên dưới. Để đóng kín ba mảng tường đó, hai dầm gỗ phía trước ở vị trí sàn tầng 2 và vị trí mái được sử dụng để liên kết hai mảng tường hai phía bên. Hai dầm gỗ này đóng vai trò quan trọng trong việc giữ ổn định toàn



Hình 29. Sự khác nhau về cấu trúc giữa nhà tứ giác và nhà rường

bộ kết cấu tường chịu lực cho công trình, tạo lực giằng liên kết tốt ba mảng tường riêng rẽ lại. Việc kết hợp giữa ba mảng tường chịu lực riêng rẽ ở ba phía với hai giằng gỗ phía còn lại đã làm cho các ngôi nhà tứ giác trở thành một cấu trúc xây dựng độc đáo và nổi bật trong quỹ kiến trúc truyền thống Huế (phần lớn kết cấu khung gỗ chịu lực), cũng như trong quỹ kiến trúc ảnh hưởng Pháp tại Huế (hầu hết sử dụng tường chịu lực ở bốn phía khép kín).

Kiến trúc cầu thang bằng gỗ với độ dốc cao cũng trở thành một trong những giá trị kiến trúc truyền thống nổi bật của các ngôi nhà này. Trong kiến trúc truyền thống Huế, thể loại cầu thang này được áp dụng trong các công trình có gác (2-3 gác), như trong Hiến Lâm Các và Ngọ Môn ở Hoàng Thành Huế, hay trong các nhà rường 2 gác ở Huế. Dù với số lượng có hạn các công trình có gác trong quỹ kiến trúc truyền thống Huế, sự hiện diện cầu thang gỗ với độ dốc cao trong tất cả các công trình đó đã tượng trưng rõ nét cho lối di chuyển truyền thống theo chiều đứng của người Huế xưa.

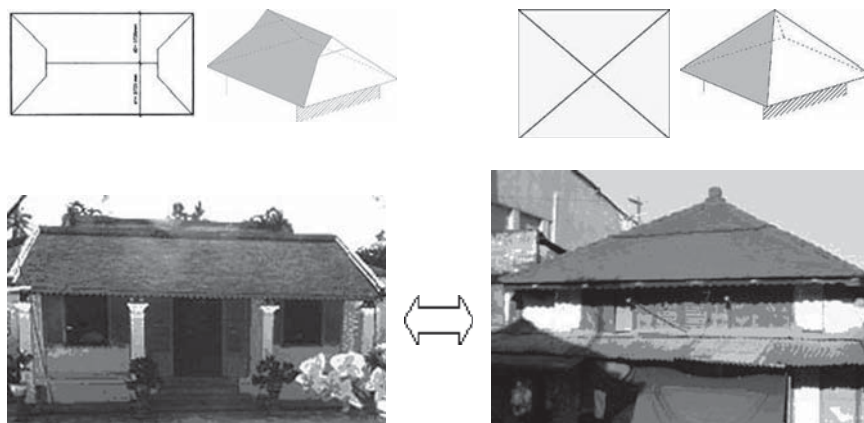
Về kiến trúc mái, hình thức mái chóp tứ giác cũng là một trong những nét kiến trúc nổi bật nhất của các ngôi nhà này. Trước khi người Pháp chiếm Huế năm 1885, hai mái dốc chạy dọc theo công trình là hình thức mái phổ biến nhất ở Huế. Sau khi chiếm đóng và cho phép xây dựng các nhà tứ giác, người Pháp đã giới thiệu cho

kiến trúc Huế một loại hình kiến trúc mái chóp tứ giác độc đáo với bốn mái dốc bằng nhau theo bốn hướng.

Mặc dù được định hình dưới dạng hình học mới, nhưng các mái chóp tứ giác này vẫn được che phủ bởi ba lớp ngói liệt truyền thống (ngói chiếu - ngói độn - ngói lợp). Ngói liệt đã được



Hình 30. Cầu thang gỗ với độ dốc cao trong nhà tứ giác - sự biểu lộ kiến trúc truyền thống Huế



Hai mái dốc truyền thống phổ biến ở Huế

Mái chóp tứ giác (4 mái dốc) độc đáo của nhà tứ giác

Hình 31. Hình thức mái mới với khối chóp tứ giác đã làm cho nhà tứ giác nổi bật và độc đáo so với hệ 2 mái dốc truyền thống Huế

xem như vật liệu lọc mái tiêu biểu nhất của kiến trúc truyền thống Huế, được sử dụng trong hầu hết các nhà rường truyền thống Huế và trong một số công trình kiến trúc cung đình Huế. Cấu trúc mái ngói liệt, do đó, đã trở thành một trong những giá trị nổi bật của kiến trúc truyền thống Huế. Một lần nữa, việc sử dụng ngói liệt truyền thống trong hình thức hình học mới của mái chóp tứ giác đã thể hiện sự kết hợp hài hòa giữa kiến trúc truyền thống Huế và kiến trúc chịu ảnh hưởng Pháp của các nhà tứ giác ở Bao Vinh.

2.3. Nhà vườn- nhà ở thường không phải nhà mặt phố

Nằm sau những nhà mặt đường thường là dạng nhà vườn, tức là nhà nằm trong vườn hoặc có một khoảng sân ngăn cách nhà với kiệt nhỏ hoặc đường cái. Nhà vườn gồm nhiều kiến trúc khác nhau nằm trong một khuôn viên gồm: nhà chính, nhà ngang, nhà bếp, trước nhà chính có sân, bình phong, cổng ngõ, giếng nước, vườn cây... bố trí có thể khác nhau nhưng nhìn chung đều tôn trọng những nguyên tắc cơ bản về phong thủy địa lý, lối sinh hoạt của đại đa số dân chúng. Nhà chính trong khuôn viên thường là nhà ba gian hai chái, hoặc ba gian không chái.

Hiện nay nhà ở thường không phải nhà mặt phố ở Thanh Hà-Bao Vinh đã biến thể nhiều dạng, kiến trúc cổ hầu như không còn. Nhà một tầng, hai tầng, ba tầng... đổ mái bằng bê tông cốt thép, lợp tôn, lợp ngói mới... đã thay thế. Còn chẳng chỉ là những khuôn viên vườn nhưng cũng đã bị thu nhỏ để nhường đất xây dựng những công trình mới hiện đại hơn.



Hình 32. Cầu Bao Vinh



Hình 33. Chợ Bao Vinh

3. Kiến trúc hạ tầng

Ngoài các công trình kiến trúc, cơ sở hạ tầng- phục vụ cũng góp phần làm nên bộ mặt thương cảng-phố cổ một thời. Đó là: chợ, cảng, cầu, cống, bến đò... Nhưng trong phạm vi quy mô khảo sát chúng tôi tạm thời đi sâu vào các công trình kiến trúc cổ. Kiến trúc hạ tầng sẽ là một đề tài nghiên cứu của chúng tôi sau này.

III. Tình trạng bảo tồn

Tại phố cổ Thanh Hà- Bao Vinh hiện nay, hàng loạt những ngôi nhà cao tầng xây mới đang “chèn ép” những ngôi nhà cổ vốn đã tồn tại hàng trăm năm, nay đã bị xuống cấp nghiêm trọng. Thiên tai, bão lụt, mối mọt... đe dọa thường xuyên nên nhiều hộ đã coi nói hoặc dỡ bỏ để xây nhà mới. Thanh Hà - Bao Vinh bây giờ nhà mới mọc lên nhiều hơn, khung trang hơn và nhà cổ cũng xập xệ, tan nát hơn rất nhiều. Cá biệt nhiều hộ dân còn bán nhà cổ để xây nhà mới kiên cố hơn. Các di tích phục vụ tôn giáo tín ngưỡng như đình, chùa, miếu... khuôn viên bị một số hộ dân lấn chiếm coi nói (Chùa Bà, đình Thanh Hà...). Một số di tích tu bổ không mang tính tổng thể,

chấp vá như đình Bao Vinh tuy bảo tồn khá nguyên vẹn về kiến trúc nhưng đang bị tô vẽ màu sắc sặc sỡ mặt đứng không hài hòa với tổng thể kiến trúc. Đình Thanh Hà còn hoang tàn chưa được chú ý đầu tư tu bổ...

Dấu vết về một khu đô thị cổ như trong ký ức của bao người, giờ chỉ còn vương lại dấu tích ở một vài nhà cổ đang lung lay trước sự hủy hoại của thời gian và người dân sống trong những ngôi nhà cổ ấy luôn thấp thỏm lo âu vì nhà có thể sụp đổ bất cứ lúc nào. Hội An- đô thị cổ ở Quảng Nam trước khi có Đà Nẵng, thương cảng Thanh Hà (từng là một phân cảng của Hội An), phố cổ Bao Vinh từng một thời sầm uất, là diện mạo của đô thị Huế trước khi có phố Đông Ba. Khác nhau một điều là ngày nay Hội An được giữ gìn nguyên vẹn để trở thành di sản văn hóa thế giới, còn phố Bao Vinh lại cứ lụi tàn theo tháng năm.

Từ năm 1991, UBND tỉnh đã khảo sát quy hoạch khu phố cổ Bao Vinh. Kết quả khảo sát còn 39 nhà cổ. Đến năm 2003, số nhà cổ ở đây chỉ còn lại 17 nhà. Và đến tháng 6-2005, con số chính thức là 15 nhà. Năm 2003, tỉnh Thừa Thiên Huế phối hợp với Viện Quy hoạch Đô thị Nông thôn (Bộ Xây dựng) lập dự án “Quy hoạch xây dựng bảo tồn và phát huy đô thị cổ Bao Vinh” được phê duyệt quy hoạch theo quyết định số 3032/2003/QĐ-UB ngày 28-10-2003 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế. Trong mục 8 của quyết định vừa dẫn có ghi trong đợt 1 sẽ “sửa chữa, nâng cấp tôn tạo 40 ngôi nhà cổ và 9 kiốt”. Thời điểm UBND tỉnh ra quyết định phê duyệt quy hoạch năm 2003, UBND xã Hương Vinh đã không cho phép xây dựng nhà mới trong khu phố cổ và khi đó phố cổ Bao Vinh chỉ còn 17 ngôi nhà cổ. Đến nay, toàn bộ khu phố cổ Bao Vinh chỉ còn khoảng 15 ngôi nhà cổ và tình trạng đều đang mục nát (3 nhà vừa được tài trợ tu bổ trong năm 2008). Nhiều ngôi nhà tuy vẫn còn giữ được dáng dấp của nhà cổ, nhưng hầu hết những hàng cột, tường chịu lực chính của căn nhà đã bị mối mọt gặm gặm hết, cá biệt còn có một số nhà đã phải dùng tre, cột gỗ tạp để gia cố thêm. Phải đến hơn nửa nhà cổ phải dùng nylon, tôn... để che mưa nắng. Hệ thống các nhà tứ giác cũng trong tình trạng tương tự. Tất cả đều đang èo ọp với nhiều hư hại nặng như lún nền, nứt nẻ, mốc meo, mục nát, bị coi

nói, bị ‘màng nhện’ hóa, bị thay thế vật liệu mới, hay bị ‘tôn’ hóa,... Nhức nhối hơn khi phải chứng kiến một ngôi nhà tứ giác bị phá bỏ để nhường chỗ cho một công trình bê tông mới vào tháng 9-2007, dẫn đến hiện tại chỉ còn lại 8 ngôi nhà tứ giác. Một sự biến mất đau xót của giá trị truyền thống và lịch sử trong kiến trúc. Sự biến mất này có nguy cơ tiếp diễn để “xóa sổ” các ngôi nhà còn lại.

Năm 2005, khi thực hiện dự án bảo tồn nhà cổ, thành phố Huế đưa 4 ngôi nhà được xem là kiểu mẫu nhất của phố cổ Bao Vinh đang còn giữ được nguyên trạng, chưa bị tác động về mặt kết cấu vào danh sách bảo tồn trong một dự án vận động vùng Nord-Pas de Calais (Pháp) tài trợ bao gồm: nhà các ông Phạm Gia Đắc (77), Đỗ Kỳ Huy (số nhà 97), Lê Quang Chất (105) và bà Nguyễn Thị Thê (99). Nhưng dự án này vẫn chưa được triển khai. Từ tháng 6/2008, nhận được sự hỗ trợ tài chính của Thượng Viện Pháp dự án trên đã được tiến hành và thu được kết quả khá tốt. Các ngôi nhà 97, nhà 99, nhà 105 Bao Vinh đã được trùng tu phục hồi đúng quy trình và các nguyên tắc bảo tồn, đảm bảo tính bền vững và giá trị công trình. Giá trị tài trợ tu bổ cho mỗi ngôi nhà khoảng 6.000 đến 7.000EUR, giá trị này chỉ đủ để tu bổ nhà chính (nhà trước) của mỗi ngôi nhà, việc tu bổ tổng thể bao gồm các công trình phụ trợ phải có sự đóng góp từ phía các hộ dân sở hữu di tích (nhà 97, nhà 105). Đây cũng là thành quả mở đầu nhưng rất đáng khích lệ, một tín hiệu đáng mừng của việc bảo tồn khu phố cổ Bao Vinh.

Hiện nay để trùng tu một ngôi nhà cổ cỡ 3 gian 5 chái và các công trình phụ trợ, phải mất từ 500-700 triệu đồng (với sự biến động về đơn giá vật liệu, nhân công, nhất là về gỗ... đơn giá này sẽ còn thay đổi lên theo từng tháng!). Nếu các chủ nhân tự bỏ tiền ra sửa chữa thì không đủ sức còn trông vào dự án thì còn phải đợi chờ rất nhiều thủ tục khác. UBND thành phố Huế đã có kế hoạch hỗ trợ nhà nước và nhân dân cùng làm (tỷ lệ hỗ trợ là 1/5). Nhưng phần đông tư tưởng của người dân là: *“Nếu phải chi thêm số tiền bằng ngân ấy, thà rằng chạy vạy để đầu tư làm nhà bê tông kiên cố chứ nhất định không nhận đầu tư để bảo tồn nhà cổ”* đã làm vấn đề trở nên phức tạp hơn.³

³ Phỏng vấn người dân Bao Vinh của chúng tôi khi thực hiện cuộc khảo sát này.

IV. Một số kiến nghị về định hướng quy hoạch bảo tồn

Theo Quyết định số 166/1999/QĐ-TTg ngày 10-8-1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Huế đến năm 2020, trong đó “Khu vực bảo tồn có 3 khu: Khu I gồm 4 phường trong Kinh thành Huế, được quản lý cải tạo, xây dựng theo Pháp lệnh Bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh và theo Công ước quốc tế về bảo vệ Di sản văn hóa thế giới của UNESCO; Khu II là khu phố cổ Bao Vinh; Khu III là khu làng nghề truyền thống Kim Long, Vĩ Dạ...”. Việc “bảo tồn và khai thác các di tích trong khu vực Kinh thành Huế, phố cổ Bao Vinh và các khu vực khác đã được UNESCO công nhận theo Công ước quốc tế...”

Hiện nay ở phố cổ Bao Vinh nhà cao tầng đang chen phủ cổ, không gian kiến trúc bị phá vỡ, và đứng trước nguy cơ xóa sổ. Cần phải hành động ngay để cứu những ngôi nhà, những di tích còn lại, góp phần bảo tồn tính đa dạng của kiến trúc truyền thống địa phương Huế. Tôi cho rằng, trước mắt cần chú ý vào các công việc sau:

- Để đảm bảo tính an toàn cho cư dân trong 12 căn nhà cổ (3 nhà đã được tu bổ trong tổng số 15 nhà còn lại), 8 nhà tứ giác, một số các di tích... còn lại cần có sự hỗ trợ kịp thời trong việc tu bổ cấp thiết: Nguồn vốn có thể huy động từ các tổ chức nước ngoài, trung ương và địa phương... hoặc phải đưa ngay vào vốn Chương trình mục tiêu quốc gia hàng năm cho việc tu bổ cấp thiết các di tích có nguy cơ sụp đổ.

- Lập hồ sơ khảo sát, điều tra, kiểm kê, vẽ ghi, chụp ảnh, quay phim... toàn bộ các di tích bao gồm toàn bộ các hạng mục có trên địa bàn phố cổ Thanh Hà-Bao Vinh nhằm lưu trữ các dữ liệu cần thiết, tránh sự “bốc khói” của các di tích mà không có hồ sơ lưu trữ.

- UBND thành phố kết hợp với chính quyền địa phương tổ chức các lớp giáo dục cộng đồng, các hình thức tuyên truyền quảng bá... nhằm bảo tồn và phát huy giá trị đô thị cổ, tuyên truyền các đức tính tốt đẹp cũng như tài nghệ của người dân Thanh Hà-Bao Vinh.

- Có chính sách ưu đãi đối với các hộ dân sở hữu di tích không những về nguồn vốn tu bổ mà còn các ưu đãi về thuế trong kinh doanh (đối với các hộ buôn bán), nhằm khuyến khích các hộ dân bảo vệ và gìn giữ di tích.

Còn về lâu dài, cần phải khởi động lại dự án “Quy hoạch xây dựng bảo tồn và phát huy đô thị cổ Bao Vinh” được phê duyệt quy hoạch theo quyết định số 3032/2003/QĐ-UB ngày 28-10-2003 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế. Cần có sự điều chỉnh để phù hợp với điều kiện hiện tại, ngoài công tác bảo tồn, tu bổ, phục hồi các di tích nhưng trong đó cần chú ý:

- Mở rộng phạm vi và quy mô của dự án Quy hoạch xây dựng bảo tồn và phát huy đô thị cổ bao gồm cả Thanh Hà và Bao Vinh.

- Điều chỉnh danh mục di tích cần bảo tồn tu bổ cho phù hợp.

- Cần phải có thiết chế, đề xuất quy chuẩn các mẫu hình thức thiết kế xây dựng đối với các công trình sẽ và đang xây mới ở mặt phố Thanh Hà- Bao Vinh (dựa trên đặc điểm chung di tích nhà mặt phố còn lại của Thanh Hà- Bao Vinh, nhưng nội thất đảm bảo với nhu cầu cuộc sống hiện đại), phải phù hợp với quy hoạch tổng thể chung và quần thể các di tích còn lại. Điều này cũng phải được áp dụng với các vùng đệm, liên hệ vùng như tuyến phố Huỳnh Thúc Kháng, Chi Lăng...

- Phải kết hợp bảo tồn các giá trị vật thể và cả phi vật thể của thương cảng cổ Thanh Hà- phố cổ Bao Vinh, kết hợp với du lịch nhằm khai thác hết các giá trị của di tích. Để di tích sống trong cộng đồng và hấp dẫn khách du lịch và thương mại. Các giá trị phi vật thể ở đây là những sinh hoạt buôn bán, nét đẹp trong nếp sống, sinh hoạt truyền thống đang rất cần được khôi phục và gìn giữ. Các lễ hội của cộng đồng người Việt và người Hoa như: Lễ tắm Bà, lễ rước Bà, lễ nghinh Ông v.v...

Làm sao để thu hút du khách tìm về đây có thể mua được hàng hóa đủ loại kim cổ đồng tây. Đặc biệt những mặt hàng thủ công mỹ nghệ: mây, tre, nứa là những sản phẩm đặc trưng của phố

chợ. Ngoài ra phát triển những mặt hàng truyền thống nổi tiếng của Thanh Hà - Bao Vinh như: nôi, bếp và những sản phẩm gốm thô nung từ đất.

- Khôi phục tuyến đường giao thông đường biển, đường sông đến Thanh Hà - Bao Vinh nhằm khai thác các tuyến du lịch bằng thuyền đến khu vực này. Chẳng hạn, tuyến từ thành phố Huế, Đại Nội, các lăng tẩm theo sông Hương và hệ thống sông Hộ thành đến Thanh Hà - Bao Vinh, hay từ Thanh Hà xuôi sông Hương ra biển đi Hội An và ngược lại. Các tuyến du lịch này chắc chắn sẽ rất thu hút khách du lịch để họ có thể khám phá con đường buôn bán, du lịch của hai cảng thị lớn trong lịch sử: Cảng thị Hội An và cảng thị Thanh Hà.

V. Kết luận

Luật Di sản Văn hóa Việt Nam ban hành năm 2001, tại Điều 8 quy định: Các di sản văn hóa có xuất xứ trong nước hoặc nước ngoài đều cần được bảo vệ và phát huy giá trị. Một chuỗi đô thị cổ mang nhiều ý nghĩa lịch sử, văn hóa, kiến trúc như Thanh Hà - Bao Vinh đang rất cần sự quan tâm đúng mức để giữ gìn và phát huy các giá trị kiến trúc truyền thống quý báu của dân tộc cho các thế hệ mai sau. Dù không còn nguyên vẹn, nhưng Thanh Hà - Bao Vinh vẫn còn những di tích quan trọng phản ánh bóng dáng của một thời kỳ phố thị huy hoàng với một không gian sinh hoạt hấp dẫn, cảnh trên bên dưới thuyền, kẻ buôn người bán, phố chợ nhộn nhịp.... Và tới đây các nhà nghiên cứu, du khách trong và ngoài nước có thể hiểu biết thêm một nét "*Văn hóa- kiến trúc cộng đồng bình dân*" bên cạnh "*Văn hóa- kiến trúc cung đình*" của xứ Huế đẹp và mộng mơ. Chính vì vậy, bảo tồn, phục hồi và gìn giữ Bao Vinh-Thanh Hà cũng chính là một phương cách hữu hiệu không chỉ để gìn giữ một di sản quý mà còn để làm phong phú thêm cho văn hóa Huế, văn hóa Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Đỗ Bang (1992), "Phố cổ Thanh Hà", *NCLS*, số 2 (261), tr.43-47.
- [2]. Đỗ Bang (1992), "Phố cảng Thanh Hà và dấu tích phố cổ", In trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1991*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [3]. Đỗ Bang (1996), *Phố cảng vùng Thuận - Quảng thế kỷ XVII-XVIII*, Nxb Thuận Hóa - Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Hà Nội.

- [4]. Đỗ Bang (1991), “Quan hệ và phương thức buôn bán giữa Hội An với trong nước”, *Kỷ yếu hội thảo quốc tế về đô thị cổ Hội An*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [5]. Nguyễn Thiên Bình. *Đô thị Bao Vinh - Quá trình hình thành và các hoạt động kinh tế văn hóa dưới thời Nguyễn 1802-1945*. Luận văn tốt nghiệp cử nhân Sử học. Đại học Khoa học Huế, 1998.
- [6]. Nguyễn Tiến Cảnh (Chủ biên) (1992), *Mỹ thuật Huế*, Trung tâm Bảo tồn Di tích Cổ đô Huế - Viện Mỹ thuật, Huế.
- [7]. Bùi Thế Đạt (1962), “Giáp Ngọ niên bình Nam đồ”, in trong *Hồng Đức bản đồ*, Bộ Quốc gia Giáo dục, Sài Gòn.
- [8]. Lê Quý Đôn (1977), *Phủ biên tạp lục (Lê Quý Đôn toàn tập- tập I)*, Nxb KHXH, Hà Nội.
- [9]. Phan Thanh Hải (1999), “Thủ phủ Kim Long và diện mạo của Huế trước năm 1687”, In trong sách *Phủ Xuân Huế từ đô thị cổ đến hiện đại*, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr 85-99.
- [10]. Phan Thanh Hải (2000), *Thủ phủ Kim Long (1636-1687) và vai trò của nó đối với Đàng Trong*, Luận văn Thạc sĩ Sử học, Trường Đại học Khoa học Huế.
- [11]. Phan Thanh Hải (2006), “Đô thị Phú Xuân - Huế thế kỷ XVII - XVIII qua sự mô tả của một số nhân chứng người nước ngoài”, *NCLS*, số 4.
- [12]. Phan Thanh [Hải] (2007), “Nhà rường Huế”, Tập san *Di sản Văn hóa Huế-Nghiên cứu & Bảo tồn*, số 1, TTBTĐTCĐH xuất bản, Huế.
- [13]. Phân viện KHCNXD Miền Trung. *Khoa học công nghệ bảo tồn trùng tu di tích kiến trúc*. Nxb Xây dựng, Hà Nội, 2003 & 2007.
- [14]. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (1992), *Đại Nam nhất thống chí*, Tập I: Kinh sư, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [15]. Thích Đại Sán (1963), *Hải ngoại kỷ sự*, Viện Đại học Huế - UB Phiên dịch sử liệu Việt Nam, Huế.
- [16]. Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường - Sở Văn hóa Thông tin - Nhà Bảo tàng Thành phố Huế (1997), *Di tích - cảnh quan trên địa bàn thành phố Huế và phụ cận*, 2 tập (báo cáo tổng kết của đề tài khoa học “Khảo sát, đánh giá, đề xuất giải pháp bảo tồn các di tích lịch sử, văn hóa và cảnh quan có giá trị ở thành phố Huế và vùng phụ cận”, Huế.
- [17]. Nguyễn Hữu Thông (1994), *Huế, nghề và làng nghề thủ công truyền thống*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [18]. Trần Bá Tịnh. “Quý kiến trúc truyền thống Huế”. *Báo cáo tại hội thảo khoa học*, Đại học Huế, 2006.
- [19]. Chu Quang Trứ. *Kiến trúc dân gian truyền thống Việt Nam*. Nxb Mỹ thuật, Hà Nội, 1999, tr. 23-24.
- [20]. Nguyễn Quang Tri. “Nghiên cứu chiến lược bảo tồn thương cảng Thanh Hà Bao Vinh”. *Báo cáo hội thảo*, Huế, 2002.
- [21]. Bảo tàng Lịch sử và Cách mạng TT Huế. *Hồ sơ lý lịch di tích của nhà 77,97,99 Bao Vinh*. Huế, 2008.